

# SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRỰC TUYẾN ĐỂ DẠY HỌC TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

## THE USE OF ONLINE MIND MAPS IN TEACHING VIETNAMESE VOCABULARY FOR FOREIGNERS

Trịnh Quỳnh Đông Nghi\*

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng<sup>1</sup>

\*Tác giả liên hệ: nghitrinh@gmail.com

(Nhận bài: 12/12/2022; Chấp nhận đăng: 21/02/2023)

**Tóm tắt** - Bài báo này giới thiệu các hình thức tổ chức dạy và học từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài bằng sơ đồ tư duy trực tuyến (SĐTDTT) từ thực tiễn dạy học tiếng Việt của nhóm tác giả. Một số hình thức dạy học thông qua SĐTDTT đã được áp dụng như: Chia sẻ sơ đồ tư duy (SĐTĐ) mẫu hoàn chỉnh cho người học, sử dụng SĐTĐ ở dạng bài tập thực hành, thảo luận phát triển chủ đề trực tuyến, thực hành xây dựng SĐTĐ. Từ thực tiễn dạy học và khảo sát phản hồi của người học, bài báo đã chỉ ra kết quả bước đầu cũng như đánh giá sơ bộ hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này trong dạy học từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài ở trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

**Từ khóa** - Sơ đồ tư duy trực tuyến; dạy học từ vựng; tiếng Việt cho người nước ngoài; phát triển chủ đề; tự học

### 1. Giới thiệu

Năng lực từ vựng là một thành tố của năng lực ngôn ngữ, được các nhà giáo dục học xếp vào loại năng lực công cụ vì nó đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp phương tiện để người học có thể đạt được các năng lực khác một cách hiệu quả. Đối với việc giao tiếp bằng ngoại ngữ, năng lực từ vựng là một trong những thước đo trình độ giao tiếp của người nước ngoài. Vì vậy trong quá trình dạy và học một ngôn ngữ, việc cung cấp và thực hành từ vựng đóng vai trò hết sức quan trọng. Trong Thông tư ban hành về “Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài” số 17/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 01 tháng 9 năm 2015 có quy định cụ thể về tiêu chí ngôn ngữ chung, vốn từ vựng và khả năng kiểm soát từ vựng của 6 bậc sử dụng ngôn ngữ đủ thấy tầm quan trọng của năng lực từ vựng đối với người học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

Hiện nay, nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài ngày càng tăng kéo theo hoạt động dạy tiếng Việt cũng ngày càng đa dạng hơn. Việc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cũng được quan tâm nhiều hơn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đặc biệt là việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Bài báo này giới thiệu các hình thức tổ chức dạy và học từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài bằng SĐTDTT từ thực tiễn dạy học tiếng Việt của nhóm tác giả.

### 2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu được tiến hành dựa trên cách tiếp cận vấn

**Abstract** - The article studies the use of online mind maps in teaching Vietnamese vocabulary for foreigners at the University of Danang - University of Science and Education. From the analysis of the theoretical basis, the article introduces some forms of teaching through online mind maps that have been conducted in teaching Vietnamese vocabulary such as: sharing the complete sample mind maps for learners, using mind maps in the form of practice exercises, discussing the online topic development and building mind maps. From the practical application and student feedback survey, the article has shown initial results as well as preliminary assessment of the effective using of these forms in teaching Vietnamese vocabulary for foreigners.

**Key words** - Online mind maps; teaching Vietnamese; Vietnamese vocabulary; foreigners; discuss topic development online

đề theo các hướng sau:

- *Tiếp cận tài liệu* (trong nước và ngoài nước). để làm rõ các vấn đề lí luận, các hướng nghiên cứu ứng dụng của SĐTĐ.

- *Tiếp cận thực tiễn*. để thấy được thực trạng dạy học và sử dụng SĐTĐ trong rèn luyện năng lực từ vựng tiếng Việt cho lưu học sinh (LHS) từ đó có cơ sở phân tích, đánh giá chính xác tầm tác động của SĐTĐ đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là:

- Quan sát tham dự;
- Điều tra;
- Phỏng vấn sâu;
- Thống kê miêu tả;
- So sánh đối chiếu.

### 3. Nội dung nghiên cứu

#### 3.1. Cơ sở của việc sử dụng SĐTDTT trong dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài

##### 3.1.1. SĐTĐ và việc nghiên cứu về SĐTĐ trong dạy học

Có nhiều quan niệm khác nhau về SĐTĐ (mind map):

Theo Antonacci, SĐTĐ “là một biểu diễn trực quan của tri thức, một bức tranh về mối quan hệ khái niệm” [1].

Theo Buzan T. “SĐTĐ là cách dễ nhất để phát triển thông tin trong tâm trí con người và lấy thông tin từ não bộ. Đó là một cách sáng tạo và hiệu quả để sản sinh (tạo ra)

<sup>1</sup> The University of Danang – University of Science and Education (Trịnh Quỳnh Đông Nghi)

những ý tưởng của chúng ta” [2].

SĐTD là một công cụ tư duy trực quan có nhiều ưu điểm, nó cho phép kết nối các ý tưởng với chủ đề chính bằng các đường dẫn phát triển từ liên kết với trung tâm vì thế được áp dụng trong nhiều lĩnh vực khoa học, giáo dục.

Bài nghiên cứu *Mind Mapping in Executive Education: Applications and Outcome* của Anthony J. Mento, Patrick Martinelli, Raymond M. Jones [3] đề cập đến những ứng dụng và kết quả của bản đồ tư duy trong giáo dục. Tác giả đã trình bày khái niệm bản đồ tư duy, các bước lập bản đồ tư duy, đặc điểm của bản đồ tư duy. Các tác giả cũng đưa ra vấn đề làm thế nào để người học phát triển bản đồ tư duy và từng bước đưa ra cách giải quyết vấn đề. Các bước để áp dụng bản đồ tư duy là: Mô tả, bổ sung, phân tích quá trình, tóm tắt và kết luận.

Công trình *The Efficacy of the Mind Map Study Technique* của Paul Farrand, Fearzana Hussain, Enid Hennessy cho thấy: Sau khi thử nghiệm cùng một bài học đối với nhóm dùng bản đồ tư duy và nhóm dùng phương pháp học tự chọn một tuần, phương pháp dùng bản đồ tư duy đã phát huy kết quả, lượng kiến thức của nhóm này đã tăng lên 10% sau một tuần đối với nhóm sử dụng bản đồ tư duy. Có thể thấy, bản đồ tư duy đã cung cấp một phương pháp học tập có hiệu quả thông qua những con số được đề cập đến trong bài viết [4].

Các công trình nghiên cứu trong nước vận dụng kỹ thuật SĐTD vào việc dạy học và đã chỉ ra những hiệu quả tích cực của việc này như:

Cuốn sách *Dạy tốt - học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy* dùng cho giáo viên (GV) và học sinh từ lớp 4 đến lớp 12 và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của hai tác giả Trần Đình Châu và Đặng Thị Thu Thủy [5], đã thu hút sự quan tâm của các cấp quản lý giáo dục và đội ngũ thầy cô giáo, phụ huynh và các em học sinh phổ thông. Thực tế ứng dụng cho thấy, việc kết hợp bản đồ tư duy với các phương pháp dạy học tích cực khác sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, giúp học sinh tích cực chủ động và có tư duy tốt hơn.

Đối với giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, nhiều tác giả đã thực hiện nhiều nghiên cứu với các cấp độ khác nhau liên quan đến việc vận dụng SĐTD vào dạy học.

Bài báo *Ứng dụng bản đồ tư duy trong việc dạy và học kỹ năng nói - viết tiếng Việt (dành cho học viên nước ngoài)* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Diễm Phương, Phạm Văn Tước [6] đã phân tích cách vận dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy kỹ năng nói và viết tiếng Việt cho học viên người nước ngoài.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến năng lực tiếng Việt nói chung và năng lực từ vựng tiếng Việt của người nước ngoài nói riêng có thể kể đến như:

Bài báo *Phương pháp dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài bằng SĐTD* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Kim Thoa, Phạm Thị Thuý Hồng [7] đã dựa vào cơ sở khoa học của sự nhận thức cũng như lý thuyết về trường từ vựng ngữ nghĩa, giáo viên sẽ hướng dẫn để giúp học viên xây dựng sơ đồ tư duy cho mỗi chủ đề khi học từ vựng.

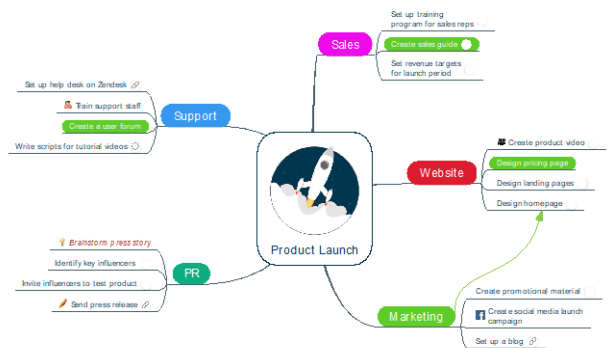
Trực tiếp liên quan đến vấn đề nghiên cứu của bài báo

này là công trình của Phạm Thị Diệu Linh, Áp dụng SĐTD (online mind map) trong việc cải thiện viết đoạn văn đã nghiên cứu, vận dụng SĐTD vào việc dạy kỹ năng viết đoạn văn tiếng Anh với quá trình thực nghiệm nghiêm túc, thu về nhiều kết quả khả quan.[8]

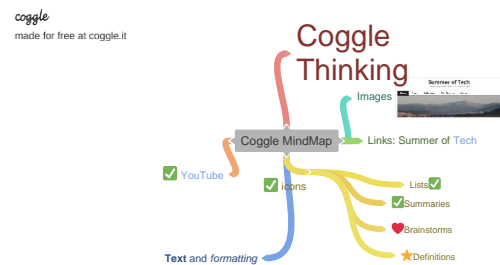
Các công trình nói trên khẳng định tính ưu việt của SĐTD trong việc dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

### 3.1.2. Khái niệm SĐTD

SĐTD (dựa trên web/phần mềm) thỏa mãn toàn bộ dạng thức của SĐTD thông thường, chỉ khác là tối ưu hơn bằng cách cho phép người dùng có thể làm việc cùng nhau khi truy cập vào ứng dụng thông qua internet. Phần mềm giúp người dạy và người học thực thi các ý tưởng, khái niệm và các dạng thông tin khác một cách trực quan, nhanh chóng và miễn phí trên cùng một nền tảng, cùng thao tác trên sản phẩm chung trong quá trình làm việc.



Hình 1. SĐTD (mẫu 1) [11]



Hình 2. SĐTD (mẫu 2) [12]

### 3.1.3. Điều kiện sử dụng SĐTD để dạy học từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài

SĐTD là một nền tảng không chỉ cho phép xây dựng bản đồ tư duy trên không gian làm việc cá nhân mà còn cho phép chia sẻ với các đối tác và cộng sự của mình bằng cách đặt chúng ở chế độ công khai trên không gian chia sẻ. Bằng cách thực hiện thay đổi này trong cài đặt quyền riêng tư, GV và những người học của mình có thể làm việc cùng nhau hiệu quả hơn. Người dùng cũng có thể chia sẻ bản đồ tư duy dưới dạng liên kết để cộng tác liền mạch, đặc biệt là giữa các nhóm sinh viên làm việc không trực tiếp. Hơn nữa, bản đồ tư duy có thể được lưu ở các định dạng khác nhau, như tệp hình ảnh hoặc PDF, để tạo bản trình bày. Các phần mềm lập bản đồ tư duy trực tuyến không yêu cầu cài đặt.

Điều này đặc biệt quan trọng vì nó giải phóng tài nguyên CNTT và có thể dễ dàng quản lý bởi người dạy có thể thêm người học vào hệ thống chỉ bằng một vài thao tác đơn giản.

Các ứng dụng SĐTD mà nhóm tác giả đã sử dụng là *coggle* và *mindmeister* có thể chạy ổn định với điều kiện kết nối mạng bình thường trên các thiết bị cá nhân của người học như máy tính bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và cả điện thoại thông minh. Đây là một điều kiện quan trọng giúp cho việc thực thi các hoạt động dạy học có sử dụng SĐTDTT được tiến hành thuận lợi và hiệu quả.

### 3.2. Một số hình thức triển khai SĐTDTT để mở rộng vốn từ tiếng Việt cho người nước ngoài

#### 3.2.1. Chia sẻ SĐTD mẫu hoàn chỉnh cho người học

Hình thức này thường được GV sử dụng trong quá trình triển khai chủ điểm bài học, đặc biệt là dạy từ mới ở bậc sơ cấp. Bởi lẽ chức năng quan trọng nhất của SĐTD là sắp xếp thông tin thành nhóm phù hợp để giúp người học ngoại ngữ dễ dàng ghi nhớ những gì đã viết. Khi nghĩ về một chủ đề cụ thể, các nội dung liên quan sẽ hình thành, liên kết với nhau.

Khi triển khai các chủ điểm bài học trong quá trình dạy tiếng Việt, GV có thể chia sẻ cho người học một sơ đồ từ vựng hoặc sơ đồ nội dung đã triển khai hoàn chỉnh giúp người học không chỉ hiểu đúng nghĩa của từ mà còn có cơ sở mở rộng vốn từ theo những mạch liên kết logic. Chẳng hạn như khi dạy về chủ điểm giao thông, với mong muốn trang bị cho người học các từ ngữ về phương tiện giao thông, GV có thể sử dụng SĐTD dưới đây:



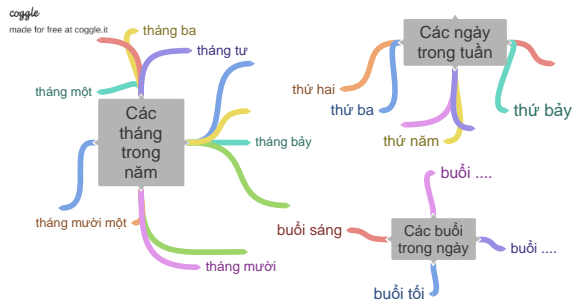
Hình 3. SĐTDTT chủ điểm phương tiện giao thông

Ưu điểm của SĐTDTT là bên cạnh việc trình chiếu khi thuyết giảng, GV có thể chia sẻ cho người học bản sơ đồ theo chủ điểm làm tài liệu tự học từ mới. Thao tác này vô cùng đơn giản, chủ thể của SĐTD (người dạy) sử dụng tính năng “Invite people to join this Coggle” hoặc “Invite” trên *mindmeister.com* bằng việc thêm email của người học để chia sẻ quyền sở hữu. Bằng thao tác đó, người học được phân quyền để có thể tiếp cận và sử dụng SĐTD này ngoài giờ học tại lớp. Không chỉ dừng lại ở đó, trong quá trình tự học, người học có thể tìm thêm các từ cùng chủ điểm để phát triển chủ đề, thêm vào các nhánh, giúp mở rộng và nâng cao vốn từ của họ. Một thao tác khác là, người học có thể thêm các nhánh để thêm phần giải thích nghĩa của từ hoặc đối chiếu với bản ngữ của họ nếu vốn từ tiếng Việt còn hạn chế.

#### 3.2.2. Sử dụng SĐTD ở dạng bài tập thực hành

Để phát triển năng lực thực hành tiếng cho người học ngoại ngữ, việc xây dựng và sử dụng bài tập thực hành để tổ chức dạy học luôn là một hình thức hiệu quả. SĐTDTT

cho phép người dạy có thể thiết kế các hình thức bài tập một cách đa dạng từ đơn giản đến phức tạp. Trong đó, dạng thông dụng nhất là điền vào chỗ trống và xác định liên kết, có thể tham khảo 2 sơ đồ minh họa dưới đây:



Hình 4. Bài tập thực hành trực tuyến – chủ điểm từ chỉ thời gian



Hình 5. Bài tập thực hành trực tuyến chủ điểm nghề nghiệp

Khi GV giao bài tập và gán quyền sở hữu cho các SĐTD như trên, người học có thể trực tiếp điền đáp án hoặc vẽ các đường dẫn tương ứng với yêu cầu của bài. Có thể thấy, với sơ đồ trực tuyến, người dạy khai thác triệt để lợi thế của mạng internet và các thiết bị công nghệ của cá nhân người học. Giao diện trực tuyến không mất thời gian, công sức cài đặt mà có thể chạy hiệu quả trên smartphone, máy tính bảng hoặc máy tính giúp GV có thể kết nối với người học bất kì thời gian và hoàn cảnh nào, không bị giới hạn bởi trong hay ngoài giờ học. Lượng bài tập hướng dẫn thực hành cũng nhiều và đa dạng hơn về hình thức. Người học cũng có thể thực hiện tính năng lưu về máy để sưu tập các sơ đồ liên kết từ để tiếp tục tự học.

#### 3.2.3. Thảo luận phát triển chủ đề trực tuyến

Hình thức này thường được tiến hành theo nhóm. Các nhóm có thể thực hiện tại lớp theo yêu cầu của người dạy hoặc làm việc nhóm ở nhà một cách hiệu quả, tiết kiệm thời gian mà không cần phải trực tiếp đến nơi thảo luận. Hoạt động này thường được tiến hành sau Mục 3.2.1 và 3.2.2. Điều đó giúp người học quen với các thao tác của *coggle* để chủ động trong quá trình thực hiện.

Để tiến hành hoạt động này, GV sẽ phân chia lớp học thành các nhóm nhỏ từ 3 - 5 thành viên tùy thuộc số lượng học viên thực tế. Các nhóm sẽ được phân công các chủ đề giống nhau hoặc khác nhau tùy theo bậc học tiếng Việt. Trưởng nhóm sẽ có trách nhiệm thêm các thành viên của nhóm vào bài làm trên SĐTDTT. Bằng việc này, các cá nhân trong nhóm đều có quyền thao tác đồng thời trên cùng một bản sơ đồ mà không cần bước tổng hợp sau cùng.



Hình 6. Thảo luận nhóm bằng SĐTDTT

### 3.2.4. Thực hành xây dựng SĐTDT

Việc thực hành xây dựng SĐTDTT giúp kích hoạt và hình thành năng lực tự học ngoại ngữ rất hiệu quả. Cách thức tiến hành vô cùng đơn giản là GV đưa ra một từ khoá để nêu kiến thức của bài mới rồi yêu cầu học viên vẽ bản đồ bằng cách đặt câu hỏi, gợi ý cho các em để các em tìm ra các từ ngữ liên quan đến từ khoá đó và hoàn thiện bản đồ. Qua đó, học viên sẽ nắm được kiến thức bài học một cách nhanh chóng.

Phương tiện này cũng làm tiết giảm sự nặng nhọc của việc dạy tiếng Việt, GV không cần thu bài hoặc tập vở cá nhân về sửa mà có thể giao nhiệm vụ phát triển chủ đề cho các cá nhân về nhà thực hiện trên SĐTDTT. Sau khi người học làm xong có thể mời GV vào xem, góp ý. GV thao tác sửa trực tiếp trên bài làm của người học mà không cần gạch bỏ, viết đè lên bài làm theo kiểu truyền thống. Sau khi có SĐTDT hoàn chỉnh và riêng biệt của từng cá nhân, người học có thể rèn kỹ năng nói, hoặc viết, tức là phát triển SĐTDT đó thành 1 diễn ngôn hoàn chỉnh rất dễ dàng.



Hình 7. Bài SĐTDT hoàn chỉnh

## 4. Một số đánh giá về việc sử dụng SĐTDTT trong dạy học từ vựng tiếng Việt

### 4.1. Thực nghiệm sử dụng SĐTDTT đến người học tiếng Việt

Để kiểm chứng những giả thuyết, nhằm khẳng định sự khả thi của giải pháp, nhóm tác giả đã thực nghiệm trên hai lớp học tiếng Việt dành cho người nước ngoài của Trường Đại học Sư phạm. Năm học 2021 – 2022, hệ dự bị tiếng Việt của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng có 4 lớp trong khoảng thời gian 10 tháng, học 4 cấp tương đương với các học phần Tiếng Việt 1 đến 4. Thực nghiệm được tiến hành ở 2 lớp LHS Lào học học phần Tiếng Việt 4 tương đương bậc 4, trung cấp theo khung năng lực tiếng Việt hiện hành. Học phần này dạy trong 150 tiết, trong đó nhóm giảng viên ở lớp A (lớp đối chứng) dạy theo phương thức truyền thống và triển khai ở lớp B (lớp thực nghiệm) có sử dụng SĐTDTT.

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng SĐTDTT trong hoạt động dạy học của những tiết học từ vựng được thiết kế theo hướng đổi mới phương pháp dạy học. Thời gian tiến hành thực nghiệm là 5 tuần, tương ứng với thời lượng 150 tiết triển khai 1 học phần thuộc chương trình dự bị tiếng Việt hệ 1 năm.

Để đo được mức độ phát triển của NL từ vựng tiếng Việt của LHS qua các bước thực nghiệm, nhóm tác giả sử dụng hai bộ công cụ đo:

*Phiếu quan sát, phỏng vấn* (dành cho LHS, GV): Tiến hành quan sát không khí lớp học, hoạt động của GV cũng như sự tích cực, chủ động và hứng thú học tập của LHS trong các tiết dạy thực nghiệm để làm cơ sở đưa ra đánh giá về tác động của thực nghiệm đối với không khí lớp học.

*Đề kiểm tra*: Việc xây dựng đề kiểm tra được nhóm nghiên cứu soạn thảo gắn với mục tiêu và chuẩn kiến thức kỹ năng phù hợp với các tiêu chí đánh giá năng lực từ ngữ theo khung năng lực tiếng Việt hiện hành [9], [10]. Đề kiểm tra được dùng chung cho cả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Qua đó, đánh giá kết quả đạt được của LHS sau cùng bài học nhưng được dạy học bởi các kịch bản dạy học khác nhau, phương pháp và cách thức dạy học khác nhau.

Hai trên tổng số bốn lớp LHS được chọn để thực nghiệm có 54 thành viên đến từ các tỉnh Khammounane, Attapeu và Sekong của nước Lào. Tuổi của các thành viên dao động từ 18 đến 35 tuổi. Trình độ trước thực nghiệm là bậc 3, trung cấp. Các kết quả cụ thể đo được như sau:

#### 4.1.1. Phản hồi của người học từ phiếu hỏi

Tiến hành điều tra bằng bảng hỏi trên 2 lớp thực nghiệm với 54 sinh viên nói trên để kiểm chứng phản hồi của người học về việc GV sử dụng SĐTDTT trong quá trình dạy học và thu được kết quả ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phản hồi của người học

TT	Nội dung điều tra	Mức độ đánh giá (%)		
		Không đồng ý	Không chắc chắn	Đồng ý
1	Tôi rất thích GV sử dụng SĐTDTT trong dạy học tiếng Việt	3,7	20,4	75,9
2	SĐTDTT dễ sử dụng	9,3	11	79,7
3	Tôi có thể tự tạo 1 SĐTDTT hoàn chỉnh	13	24,1	62,9
4	SĐTDTT giúp tôi học từ ngữ hiệu quả hơn	1,9	33,3	64,8
5	Tôi sẽ tiếp tục sử dụng SĐTDTT để học tiếng Việt	5,5	40,7	53,8

Từ kết quả thu thập được phản ánh trong bảng 1 có thể thấy, sau khi trải nghiệm việc học tập tiếng Việt bằng SĐTDTT, hầu hết người học có bày tỏ hứng thú và khẳng định tiếp tục lựa chọn SĐTDTT trong quá trình học tiếng Việt của mình. Theo quan sát của nhóm GV tham gia giảng dạy cũng đánh giá không khí lớp học tích cực, chủ động hơn so với lớp đối chứng cũng như thời gian trước thực nghiệm.

#### 4.1.2. Kết quả bài kiểm tra từ vựng của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm

Thực hiện 2 đợt kiểm tra để đánh giá năng lực từ vựng của LHS bằng cách yêu cầu các em LHS thực hiện bài kiểm tra 45 phút với yêu cầu đề giống nhau ở 2 lớp thực nghiệm và đối chứng. Đề bài của 2 lớp đối chứng và thực nghiệm là giống nhau. Bài kiểm tra số 1 được thực hiện sau 1 tuần thực nghiệm và bài kiểm tra số 2 được thực hiện 4 tuần sau đó, kết quả bài làm chia theo 4 phổ điểm chính sau:

**Bảng 2.** Kết quả kiểm tra LHS lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

Bài ĐG	Lớp	Số lượng LHS	Điểm 0-4		Điểm 5-6		Điểm 7-8		Điểm 9-10	
			Số LHS	Tỉ lệ %	Số LHS	Tỉ lệ %	Số LHS	Tỉ lệ %	Số LHS	Tỉ lệ %
KT số 1	TN	54	20	37	23	42,6	9	16,7	2	3,7
	ĐC	56	22	39	30	54	2	3,5	2	3,5
KT số 2	TN	54	14	26	27	50	10	18,5	3	5,5
	ĐC	56	20	35,7	33	59	3	5,3	0	0

Ghi chú: TN: Thực nghiệm; ĐC: Đối chứng.

Việc thực hiện kiểm tra và đối chiếu điểm số giữa 2 nhóm lớp thực nghiệm và đối chứng đã cho nhận định về những tác động của việc sử dụng SĐTDTT đối với năng lực từ vựng của người học. Dĩ nhiên, chất lượng dạy học của một lớp LHS chịu sự chi phối từ nhiều yếu tố khác nhau như GV, LHS, điều kiện dạy học cũng như phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy mà SĐTDTT chỉ là một kĩ thuật trong đó. Từ giả thuyết đặt ra cho đến quá trình thực nghiệm, bước đầu khẳng định một số lợi ích của kĩ thuật này sẽ tiếp tục phân tích ở Mục 4.2.

#### 4.2. Lợi ích của việc sử dụng SĐTDTT trong việc dạy học từ vựng tiếng Việt

SĐTDTT cung cấp một loạt các ưu điểm cho cả người học và người dạy, khiến nó trở thành một trong những ứng dụng thực tế nhất có thể được sử dụng trong lớp học. Việc sử dụng SĐTDTT trong việc dạy học tiếng Việt mang lại những lợi ích sau:

##### 4.2.1. Nâng cao khả năng ghi nhớ từ ngữ

Lập SĐTĐ có thể giúp cải thiện trí nhớ vì nó liên quan đến sự liên tưởng và trí tưởng tượng của cả 2 bán cầu não. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và trình bày ý tưởng. Khi nhắc đến từ khoá chủ điểm, người học có thể dễ dàng liên kết nó với các thông tin và từ ngữ liên quan. Bằng cách này, người học sẽ làm cho trí thức mới dễ nhớ. Mặt khác, bằng cách sử dụng các yếu tố trực quan, trí tưởng tượng của người học sẽ được kích hoạt, các liên kết ngữ nghĩa vì thế cũng sinh động hơn, không còn xơ cứng là những thanh âm hay hình ảnh chữ viết đơn thuần.

##### 4.2.2. Giúp mở rộng vốn từ

Phát triển vốn từ nghĩa là xây dựng một vốn từ ngữ phong phú, thường trực và có hệ thống trong trí nhớ người học, từ đó tạo điều kiện cho từ đi vào hoạt động ngôn ngữ (nghe - đọc, nói - viết) tự nhiên và hiệu quả. Hiệu quả lớn nhất trong việc sử dụng SĐTĐ nói chung chính là giúp người học mở rộng vốn từ theo hướng phong phú và chính xác hơn. Với 1 chủ điểm và các nhánh liên kết, người học có thể ghi nhớ lượng từ lớn hơn nhiều lần so với cách trình bày tuyến tính thông thường.

Không chỉ vậy, người nước ngoài thông qua SĐTĐ cũng hiểu nghĩa của từ một cách chính xác, cách học lại tự nhiên không gò bó. Vậy nên, vốn từ người học có được thông qua SĐTĐ không chỉ phong phú mà còn chính xác, người học có thể nắm được nghĩa của những từ ngữ mới và vận dụng trong các ngữ cảnh phù hợp.

##### 4.2.3. Giúp tích cực hoá vốn từ

Tích cực hoá vốn từ là giúp người học luyện tập, sử dụng từ ngữ trong nói - viết, nghĩa là giúp người học chuyên hoá những từ ngữ đọc lập (từ ngữ được học thuộc một cách máy móc) thành những từ ngữ tích cực (từ ngữ mà chủ thể có thể tường giải và sử dụng trong nói - viết).

Lập SĐTĐ là một trong những công cụ hiệu quả nhất để nâng cao khả năng sáng tạo và tích cực hoá vốn từ. Khi sử dụng SĐTDTT, người học có thể tổ chức ý tưởng từ các từ khoá chủ đề và các nhánh triển khai. Đây là bước chuẩn bị rất quan trọng để người học chuyên hoá từ ngữ trở thành các câu, đoạn, văn bản trong quá trình nói, viết một cách mạch lạc.

Kết quả từ bộ công cụ đo bằng 2 bài kiểm tra năng lực từ vựng của người học sau thực nghiệm đã cho nhóm tác giả nhiều số liệu khả quan về khả năng ghi nhớ, sử dụng từ đúng ngữ cảnh và vận dụng phát triển vốn từ. Số liệu đo được từ lớp đối chứng để củng cố các luận điểm được chúng tôi phân tích trong các Mục từ 4.2.1 đến 4.2.3 như sau:

Để kiểm tra hiệu quả đạt được, chúng tôi đã tiến hành đo mức đạt được các tiêu chí đánh giá năng lực từ ngữ thông qua bài kiểm tra đầu vào và đầu ra lớp LHS thực nghiệm. Thang đo được chia thành 3 mức: (1) Thấp - (2) Trung bình - (3) Cao. Kết quả đo được trên 54 LHS được thể hiện qua Bảng 3.

**Bảng 3.** Kết quả kiểm tra năng lực từ ngữ của lớp thực nghiệm

Các thành tố năng lực từ ngữ được đánh giá	Kiểm tra 1			Kiểm tra 2		
	1	2	3	1	2	3
Ghi nhớ và hiểu được nghĩa của từ	33	18	3	29	20	5
Nhận biết được nghĩa của từ	35	19	0	33	20	1
Sử dụng từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	30	20	4	28	19	7
Phát triển chủ đề dựa trên từ khoá	38	14	2	30	20	4

##### 4.2.4. Giúp tăng hứng thú học tập

Như kết quả khảo sát ở Bảng 1, sử dụng SĐTDTT trong lớp học tiếng Việt giúp tăng hứng thú học tập đối với LHS. Việc sử dụng SĐTDTT với các phương tiện đặc thù và sinh động sẽ tạo không khí học tập vui vẻ, thúc đẩy động cơ học tập của LHS. Không khí học tập tích cực sẽ giúp người học hứng thú, chủ động trong quá trình học tập, nâng cao hiệu quả dạy học.

Không chỉ vậy, phương án này lại được tiến hành một cách tiện lợi và miễn phí, phù hợp với gần như mọi đối tượng và không bị giới hạn bởi không gian, thời gian nào. Điều này giúp hoạt động học tập diễn ra dễ dàng, không bị vướng mắc và luôn kiểm soát được các bước thực hiện cũng như hiệu quả của nó.

## 5. Kết luận

Thực tế cho thấy, mỗi nhóm đối tượng người học tiếng Việt như một ngoại ngữ sẽ có những đặc điểm riêng, mỗi GV cũng có những điều kiện và sở trường riêng. Việc chọn lọc và vận dụng phương pháp, thủ pháp và kỹ thuật dạy học một cách khoa học, hợp lý sẽ giúp lớp học trở nên sinh động, hiệu quả. Vậy nên GV cần linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau nhằm đạt được mục tiêu dạy học xác định đồng thời phù hợp với nội dung và các điều kiện dạy học cụ thể. Từ thực tế quan sát của người dạy cũng như phản hồi từ việc khảo sát người học, nhóm tác giả cho rằng, việc áp dụng SĐTDTT mang lại không khí lớp học tích cực và thái độ học tập chủ động của người học, chất lượng dạy học cũng được cải thiện đáng kể. Có thể nói, kỹ thuật sử dụng SĐTDTT nói chung và SĐTDTT nói riêng là biện pháp hoạt động giúp GV thực hiện và điều khiển toàn bộ quá trình dạy học hiệu quả, kích thích đa giác quan của người học tham gia vào việc tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ giao tiếp. Đây cũng là một nỗ lực không nhỏ của GV trong quá trình ứng dụng chuyển đổi số vào việc dạy học, kết hợp linh hoạt các phương pháp truyền thống và hiện đại một cách tối ưu nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Việt trong bối cảnh hiện nay.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với đề tài mã số T2022-TN-12

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Antonacci, P., “Students Search for Meaning in the Text through Semantic Mapping”, *Social Education*, No. 55, 1991, p174, 1991.
- [2] Buzan, T., *How to Mind Map?* London: Thorsons, 2002.
- [3] Mento, Anthony J.; Martinelli, Patrick; Jones, Raymond M., “Mind Mapping in Executive Education: Applications and Outcome”, *Journal of Management Development*, v18 N4 p390-407, 1999.
- [4] Farrand, P., Hussain, F. and Hennessy, E., “The Efficacy of the Mindmap Study Technique”. *Medical Education*, 36, 2002, 426-431.
- [5] Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thủy, *Dạy tốt - Học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy (Dùng cho giáo viên, sinh viên sư phạm, học sinh THCS và THPT)*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.
- [6] Nguyễn Thị Diễm Phương, Phạm Văn Tước, “Ứng dụng bản đồ tư duy trong việc dạy và học kỹ năng nói – viết tiếng Việt (dành cho học viên nước ngoài)”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học 2011 của Khoa Việt Nam học – Trường Đại học KHXH&NV*, 2011, tr208-222.
- [7] Nguyễn Thị Kim Thoa, Phạm Thị Thuý Hồng, “Phương pháp dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài bằng sơ đồ tư duy”, *Kỷ yếu điện tử Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu liên ngành về Ngôn ngữ và Giảng dạy ngôn ngữ lần thứ VI*, 2020, tr293-305.
- [8] Phạm Thị Diệu Linh, “Áp dụng sơ đồ tư duy trực tuyến (online mind map) trong việc cải thiện viết đoạn văn”, *Hue Journal of Science, Educational Sciences*, Volume 66, Issue 2, 2021, pp. 25-35.
- [9] Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, 2015.
- [10] Quyết định 2097/QĐ-BGDĐT ngày 21/6/2016 ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, 2016.
- [11] *Mindmeister*, 2022, [<https://www.mindmeister.com/>], 05/12/2022.
- [12] *Coggle*, 2022, [<https://coggle.it/>], 09/12/2022.